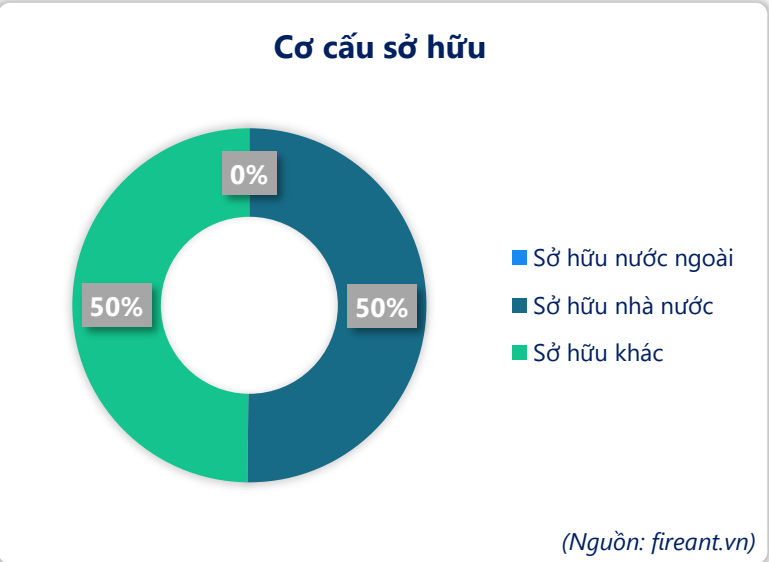
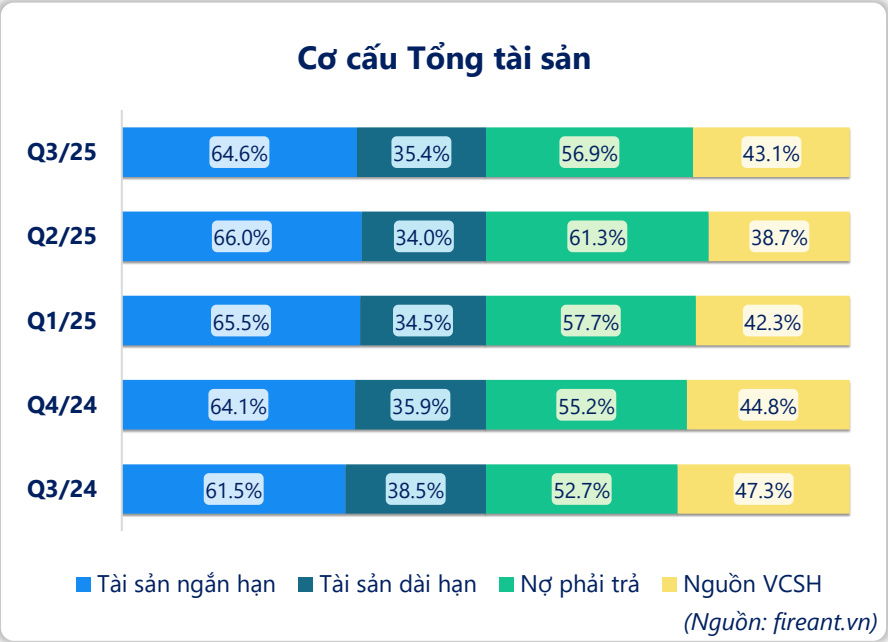
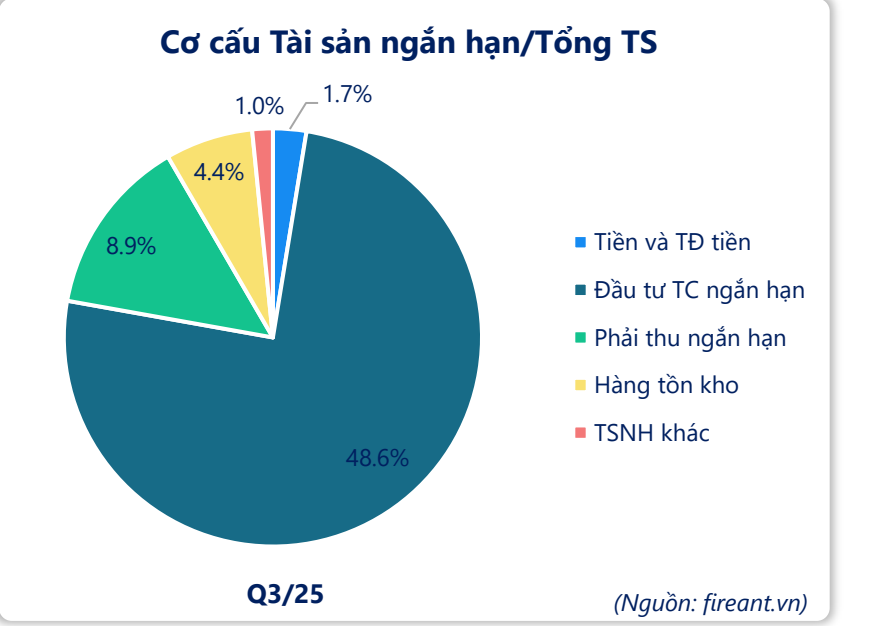
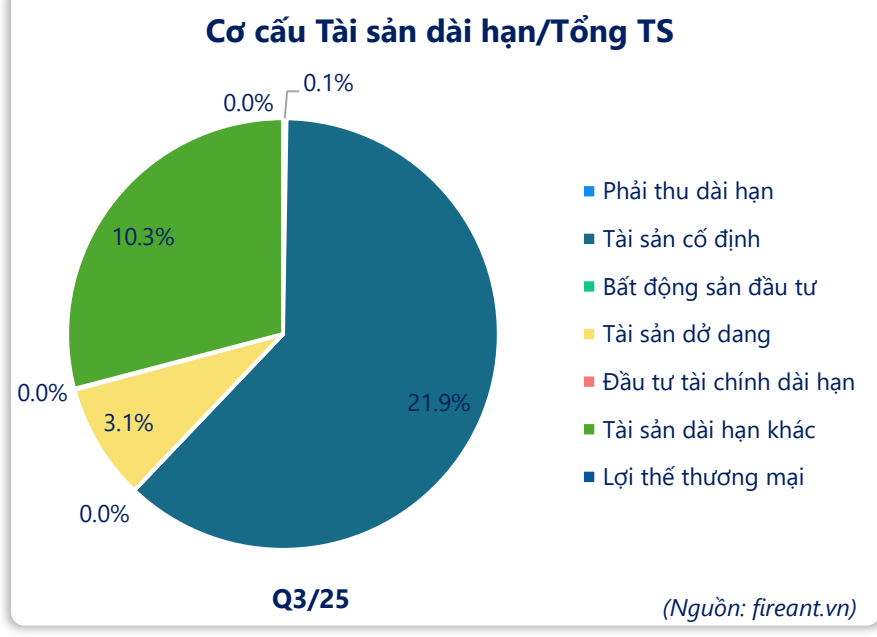
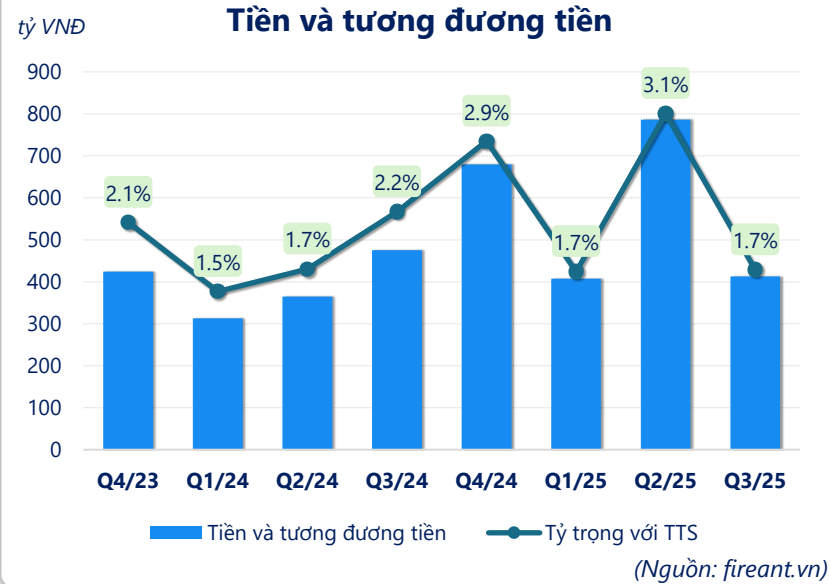
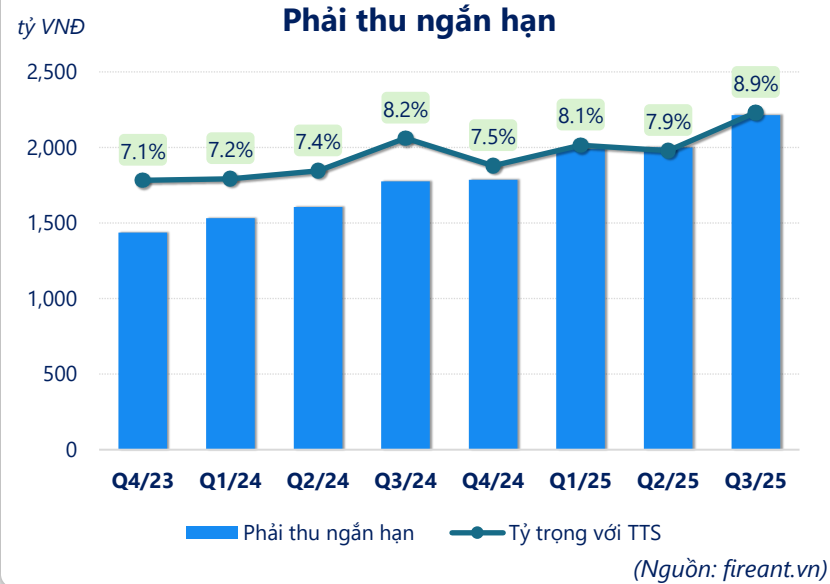
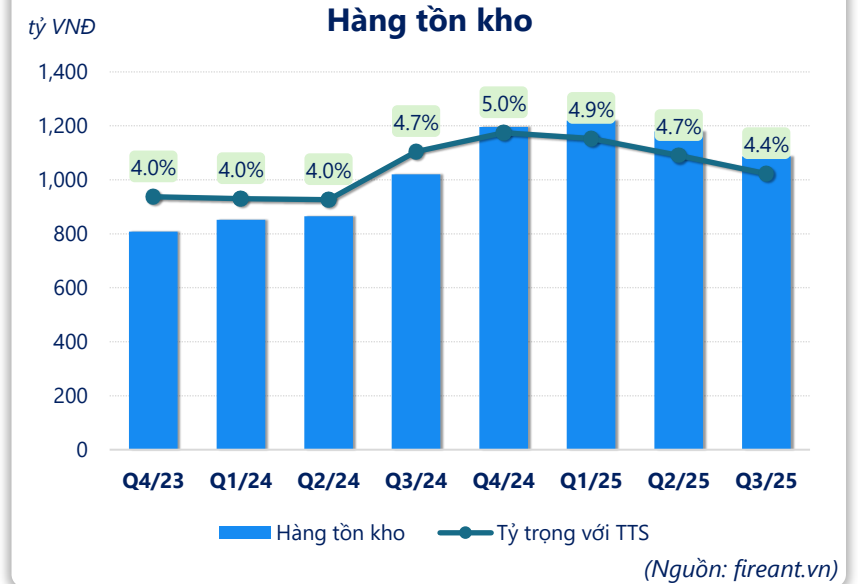
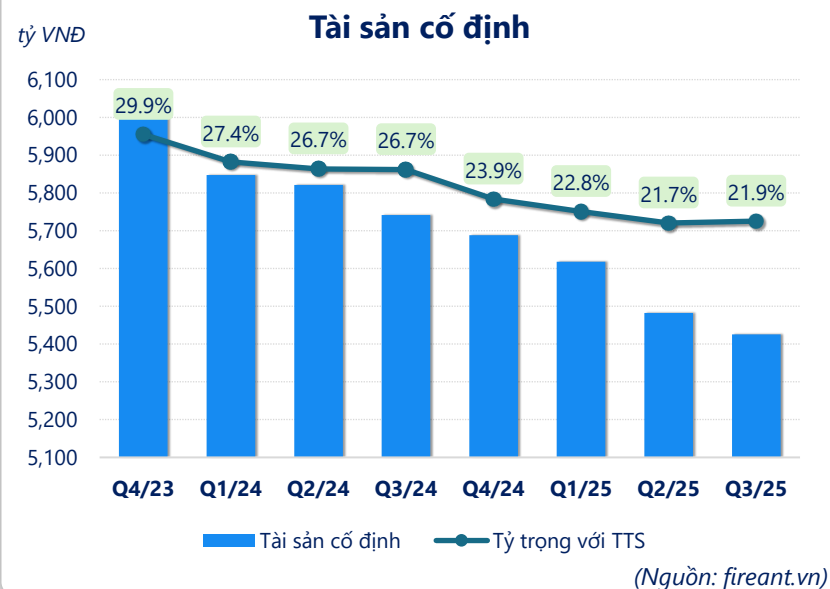
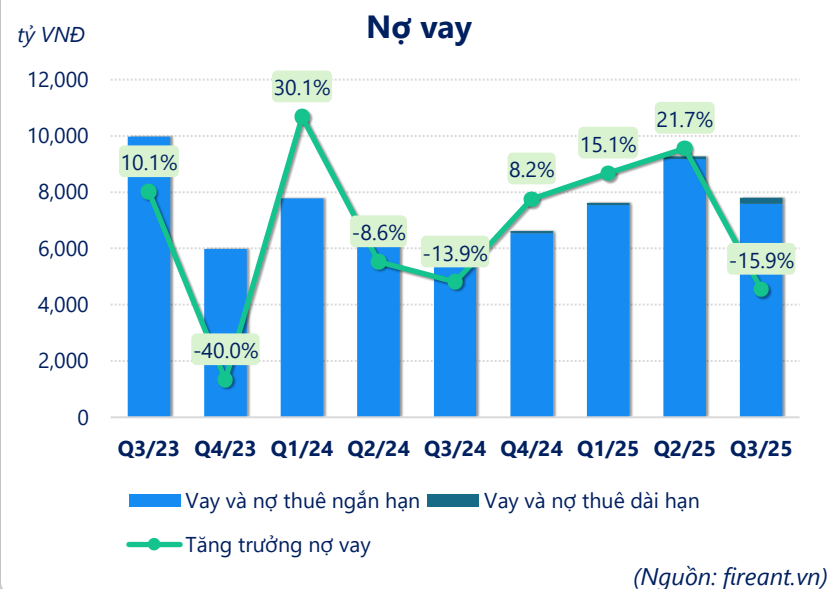
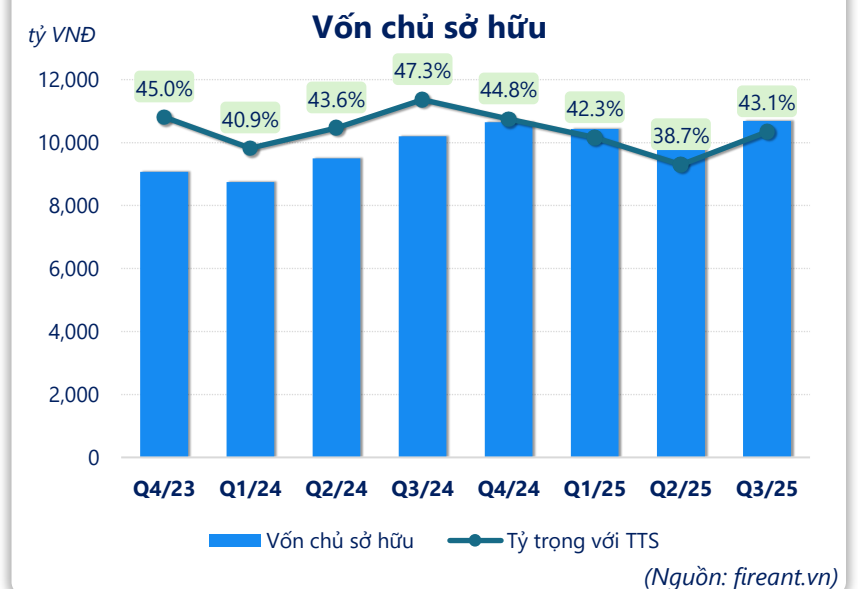
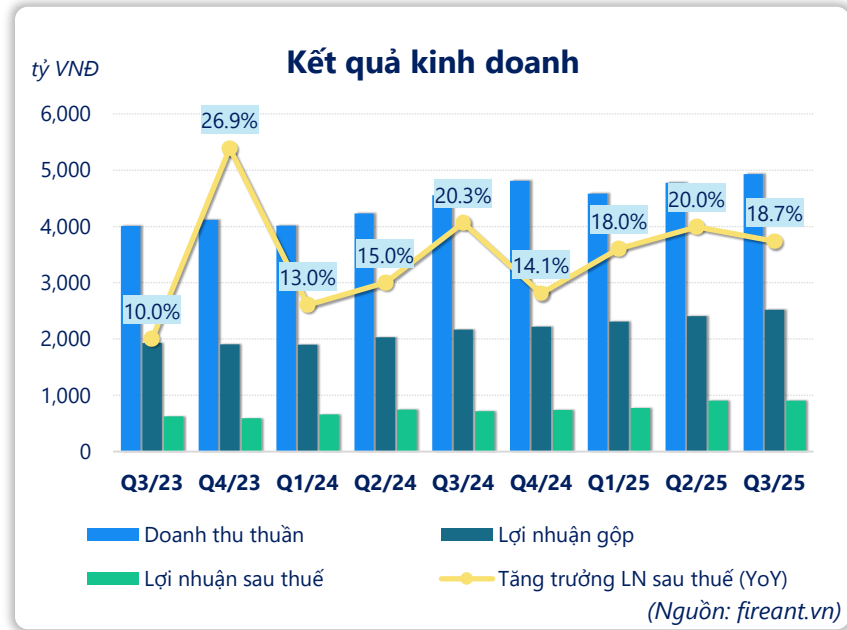
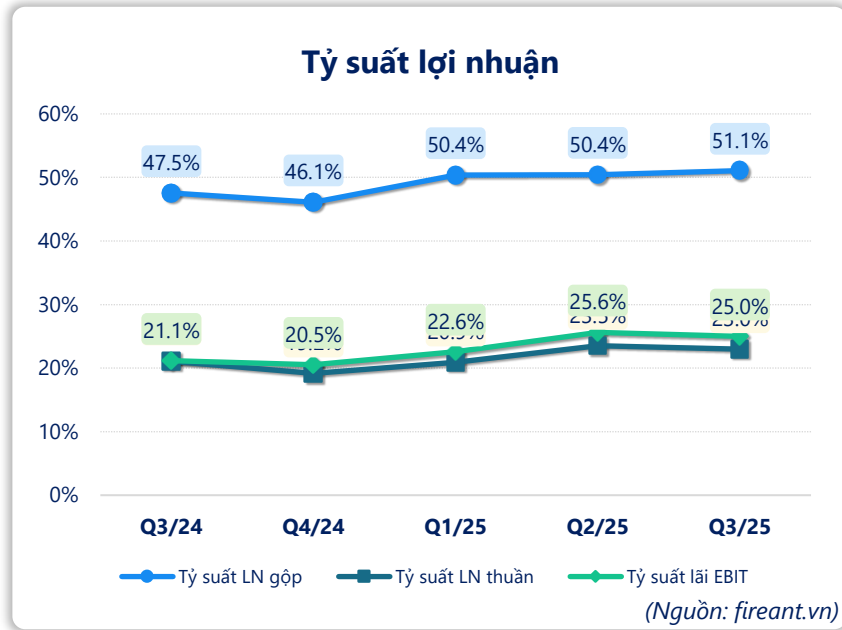
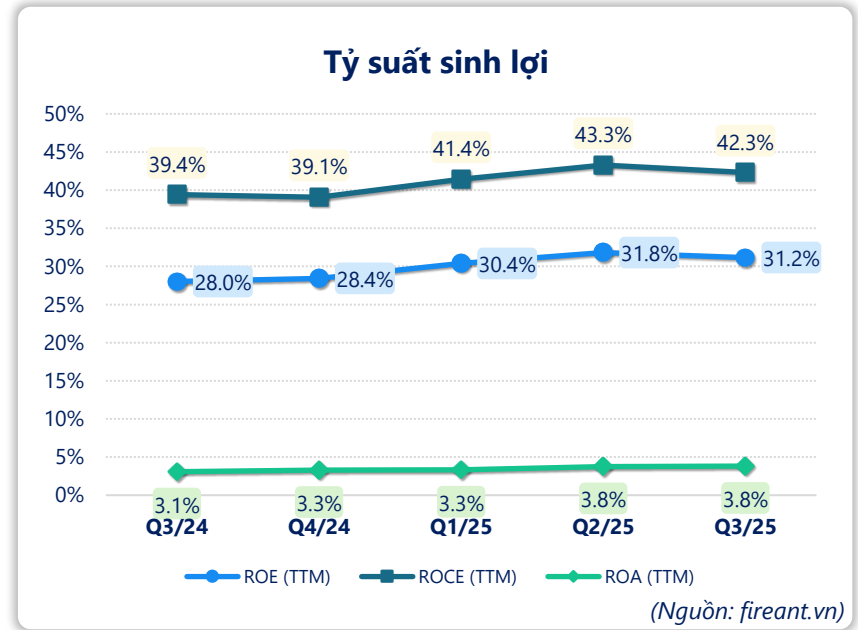
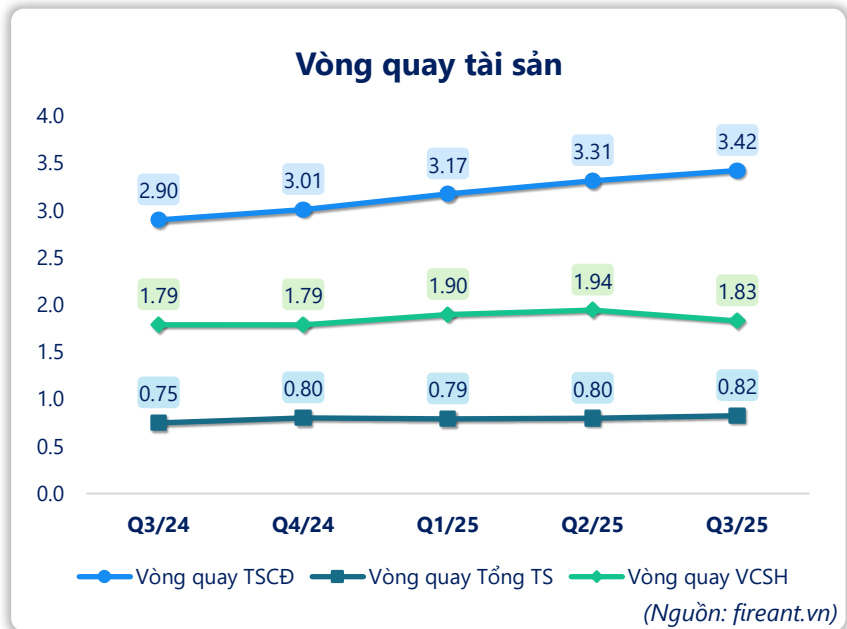
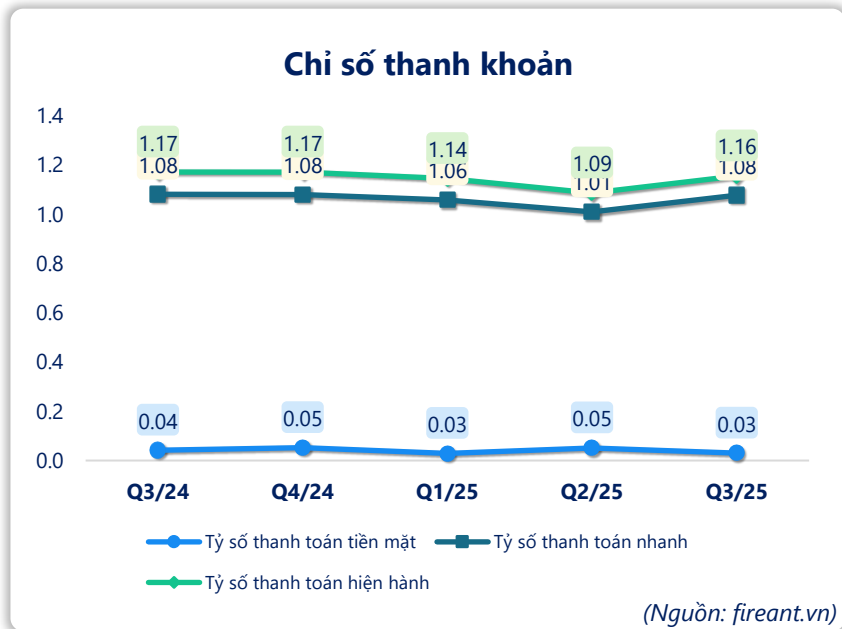
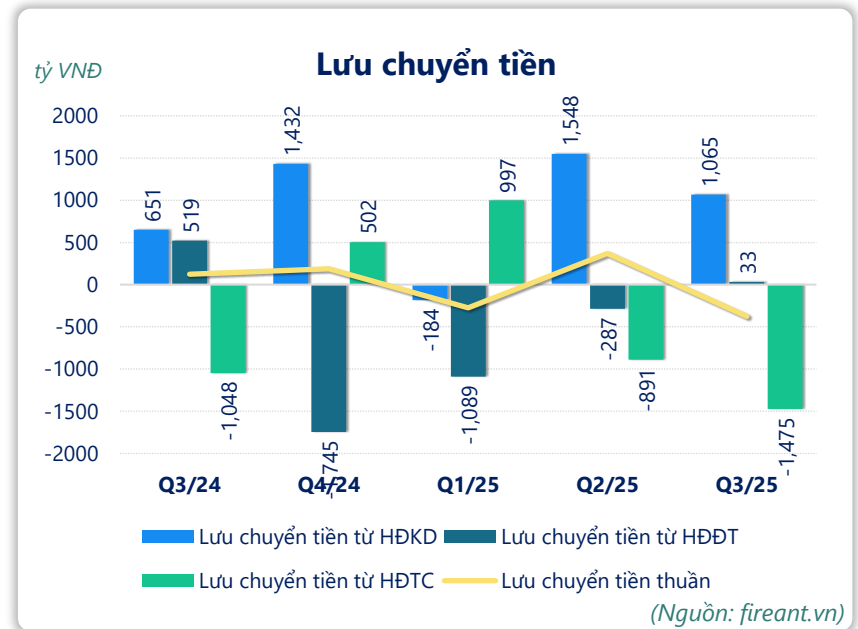


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		64,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		76,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		48,370
SL cổ phiếu LH		738,763,463
KLGD BQ 20 phiên (CP)		79,025
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		47,355
P/E		14.6
EPS		4,405

	YTD	1T	3T	6T
FOX	4.7%	-5.0%	2.6%	8.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	24,795	23,768	4.3%
Tài sản ngắn hạn	16,023	15,257	5.0%
Tiền và tương đương tiền	413	679	-39.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12,054	11,377	6.0%
Phải thu ngắn hạn	2,213	1,815	21.9%
Hàng tồn kho	1,087	1,196	-9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	255	190	34.4%
Tài sản dài hạn	8,773	8,511	3.1%
Phải thu dài hạn	22.9	25.9	-11.7%
Tài sản cố định	5,426	5,688	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	766	390	96.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.00	6.20	-3.2%
Tài sản dài hạn khác	2,552	2,401	6.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14,111	13,122	7.5%
Nợ ngắn hạn	13,864	13,000	6.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,588	6,541	16.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,428	1,541	-7.3%
Nợ dài hạn	246	122	102%
Vay và nợ thuê dài hạn	211	81.8	158%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,685	10,646	0.4%
Vốn chủ sở hữu	10,685	10,646	0.4%
Vốn điều lệ	7,388	4,925	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	4,556	4,811	4,582	4,775	4,930
Giá vốn hàng bán	2,390	2,593	2,274	2,367	2,412
Lợi nhuận gộp	2,166	2,217	2,308	2,408	2,518
Doanh thu HĐTC	125	185	180	215	201
Chi phí TC	63.4	80.9	75.6	106	107
Chi phí lãi vay	56.0	66.5	68.9	94.2	100
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	714	864	845	820	912
Chi phí QLDN	554	536	610	574	566
LN thuần từ HĐKD	959	922	958	1,123	1,134
Lợi nhuận khác	-51.9	-0.93	8.92	6.08	-1.92
LN trước thuế	907	921	967	1,129	1,132
Lợi nhuận sau thuế	717	737	773	903	905
LNST của CĐ cty mẹ	697	721	765	884	885

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	651	1,432	-184	1,548	1,065
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	519	-1,745	-1,089	-287	33.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,048	502	997	-891	-1,475
Tiền đầu kỳ	364	475	679	407	786
Lưu chuyển tiền thuần	122	189	-275	370	-376
Ảnh hưởng tỷ giá	-12.0	15.2	3.14	8.93	2.71
Tiền cuối kỳ	475	679	407	786	413

(Nguồn: fireant.vn)